

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

BÀI LUẬN MÔN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**TÊN CHỦ ĐỀ: ĐÁNH GIÁ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÁC
BƯỚC ĐỘT PHÁ TƯ DUY KINH TẾ CỦA ĐẢNG TA TRƯỚC
THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Họ và tên sinh viên : Huỳnh Tấn Thọ
Mã số sinh viên : 19120383
Lớp, hệ đào tạo : 20TTH2

CHẤM ĐIỂM	
Bảng số	Bảng chữ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

MỞ ĐẦU

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, bước vào thời kỳ hòa bình, độc lập, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hoàn cảnh nước ta lúc bấy giờ có nhiều điều kiện thuận lợi, tuy nhiên ta còn phải khắc phục những hậu quả nặng nề của hai cuộc chiến chống Pháp, chống Mỹ và tàn dư của chủ nghĩa thực dân. Điểm xuất phát của Việt Nam về kinh tế - xã hội còn ở trình độ thấp. Điều kiện quốc tế vừa thuận lợi vừa xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Các nước xã hội chủ nghĩa đều gặp khó khăn về nhiều mặt, các thế lực thù địch bao vây cấm vận nhằm phá hoại sự phát triển của Việt Nam.

Trước tình hình đó, trong khoảng từ năm 1976 đến năm 1986, Đảng đã thực hiện nhiều chủ trương, chính sách nhằm đưa kinh tế Việt Nam đi lên. Vì vậy, tôi chọn chủ đề “Đánh giá tầm quan trọng của các bước đột phá tư duy kinh tế của Đảng ta trước thời kỳ đổi mới” nhằm nghiên cứu và tìm hiểu rõ hơn các chính sách kinh tế của Đảng lúc bấy giờ.

NỘI DUNG

1. Chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng trước thời kỳ đổi mới

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được coi là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Theo đó, Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm;

quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

Trước hiện tượng “khoán chui” trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, sau khi tổ chức thí điểm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo Chỉ thị, mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán. Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (1-1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng theo cơ cấu hợp lý.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn; khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện, nên đã không có được những sửa chữa đúng mức và cần thiết. Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

2. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hoá, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay: Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp trong giá và lương là tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xoá bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ; thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống,

khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá. Thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ chế độ bao cấp bằng hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Giá, lương, tiền coi là khâu đột phá để chuyển đổi cơ chế. Thực hiện trả lương bằng tiền có hàng hoá bảo đảm, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hoá. Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương, địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba* về đổi mới kinh tế. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

Về cơ cấu sản xuất, Hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dầm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm, chi phí sản xuất tăng, tình hình kinh tế-xã hội ngày càng không ổn định. Đây cũng là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu. Cần điều chỉnh cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có mức độ, nhằm phục vụ cho nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối...

Về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của

các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Tổng kết 10 năm 1975-1986, Đảng đã khẳng định 3 thành tựu nổi bật: thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Sai lầm, khuyết điểm nổi bật là không hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội IV và V của Đảng đề ra. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nền kinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích lũy; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin đối với Đảng, Nhà nước, chế độ giám sát nghiêm trọng.

3. Đánh giá tầm quan trọng của các bước đột phá tư duy kinh tế

Các bước đột phá tư duy kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới có vai trò rất quan trọng đối với kinh tế Việt Nam, đặc biệt là khắc phục hậu quả sau chiến tranh, tạo ra của cải vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Do nước ta bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản và tiến hành quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên việc phát triển kinh tế lúc này càng có vai trò quyết định. Dù chỉ là những tư duy kinh tế ban đầu, tuy còn sơ khai và chưa toàn diện, nhưng là bước mở đầu có ý nghĩa quan trọng, đặt nền tảng cho công cuộc đổi mới sau này. Tầm quan trọng của các đột phá ấy được thể hiện chủ yếu ở các mặt sau:

Thứ nhất, việc để cho sản xuất được bung ra và người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường góp phần giảm đi những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất, tạo ra động lực kinh tế, thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Thứ hai, nhờ xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, các doanh nghiệp được tự do sản xuất, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, Nhà nước không can thiệp quá sâu và không còn chuyện bù lỗ như trước đây. Từ đó, hàng hóa sản xuất đa dạng hơn, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng và Nhà nước có tích lũy về ngân sách. Ngoài ra, còn giúp giảm thiểu tình trạng quan liêu nhưng lại được hưởng quyền lợi cao

hơn người lao động, gây ra bởi bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian, kém năng động, kém năng lực quản lý.

Thứ ba, tập trung phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thay vì coi trọng công nghiệp nặng như trước đây, đã góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu trong nhân dân, giảm thiểu tình trạng lãng phí không cần thiết ngân sách Nhà nước cho các ngành công nghiệp nặng nhưng mang lại hiệu quả kinh tế không cao.

Thứ tư, việc nhận định kinh tế nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tận dụng được tiềm năng của quốc gia, tạo thêm việc làm, tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả kinh tế của các thành phần kinh tế và của toàn bộ nền kinh tế.

Thứ năm, phát huy vai trò của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ, quan hệ hàng – tiền không còn bị xem nhẹ do đó người dân có quyền mua bán sản phẩm, nền kinh tế được phát triển tự do hơn.

KẾT LUẬN

Mặc dù tồn tại nhiều sai lầm trong thời kỳ trước đổi mới này, như chế độ kinh tế tập trung, bao cấp, nhà nước can thiệp quá sâu vào nền kinh tế, coi nhẹ các quy luật kinh tế,... Đảng đã khắc phục được những sai lầm trong thời kỳ này thông qua nhiều chủ trương, chính sách mang tính đột phá ở các kỳ Đại hội sau, từ đó cải thiện đáng kể nền kinh tế sau chiến tranh. Những đột phá ấy giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế Việt Nam. Hơn thế nữa, Đảng vẫn không ngừng cố gắng đổi mới, tiếp thu và hoàn thiện các chính sách đó nhằm mục tiêu phát triển toàn diện nền kinh tế, đưa nước ta vững bước trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội.